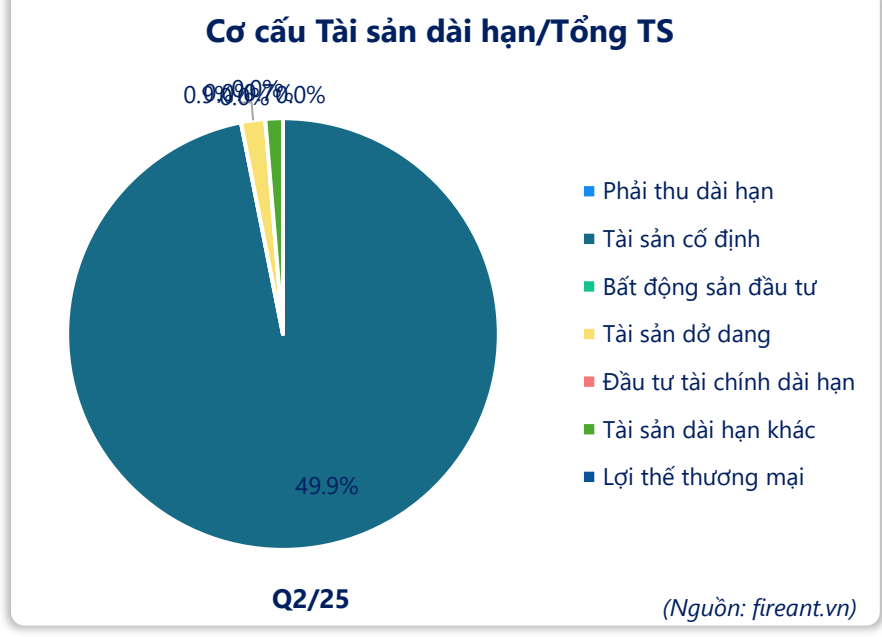
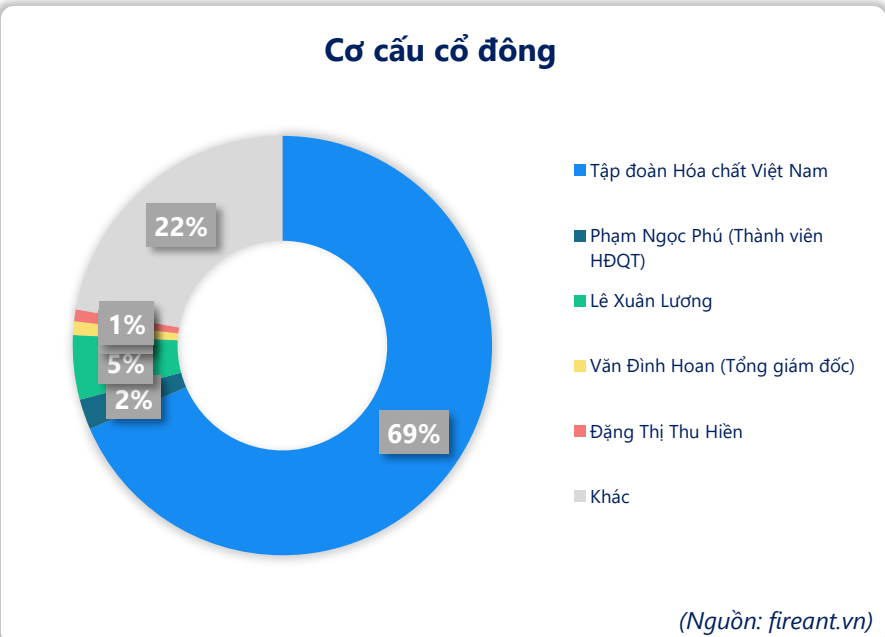
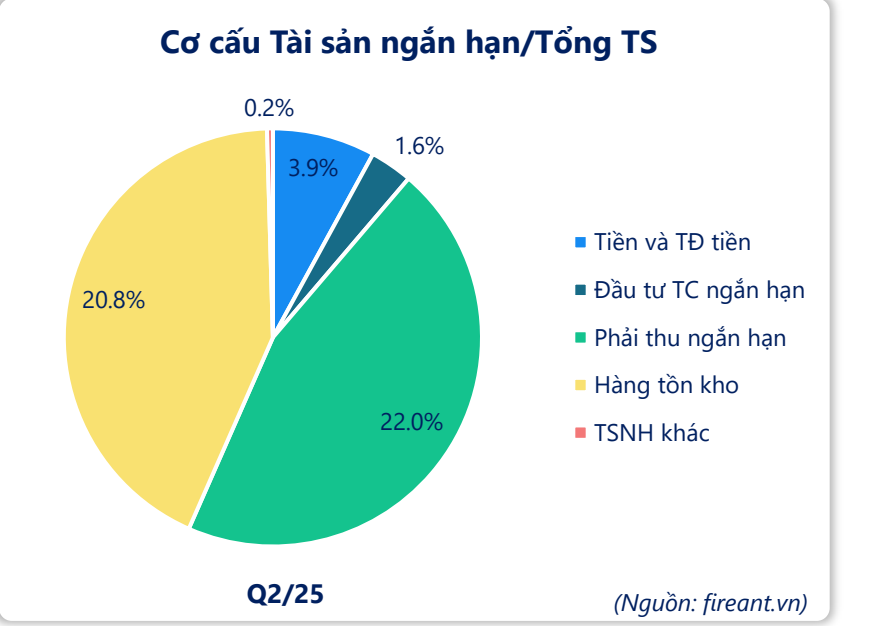
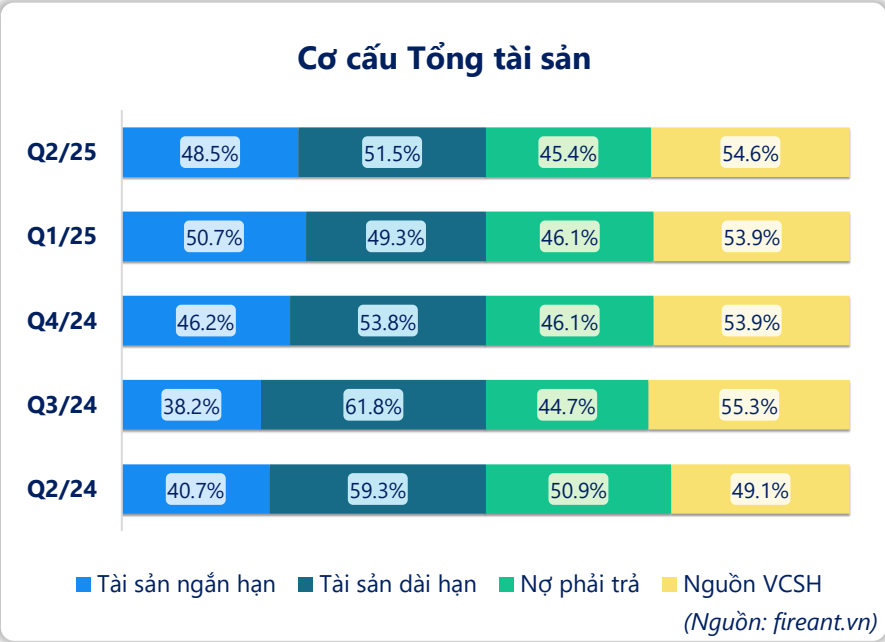
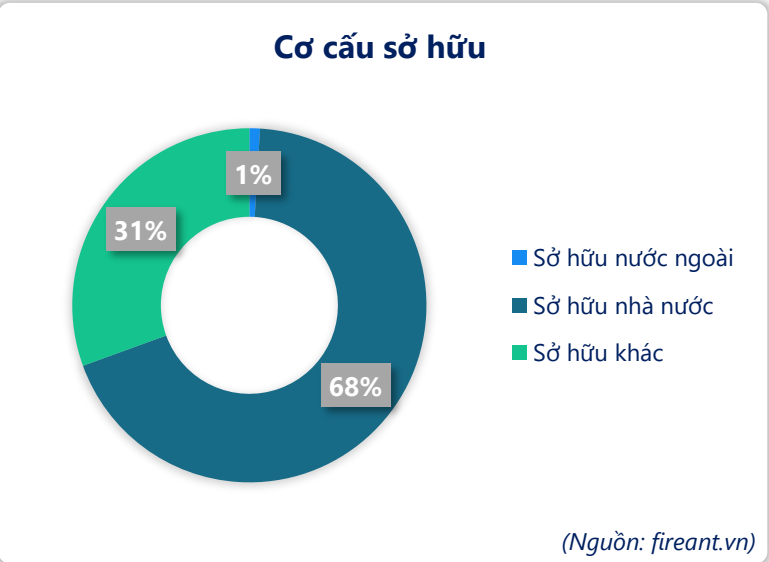
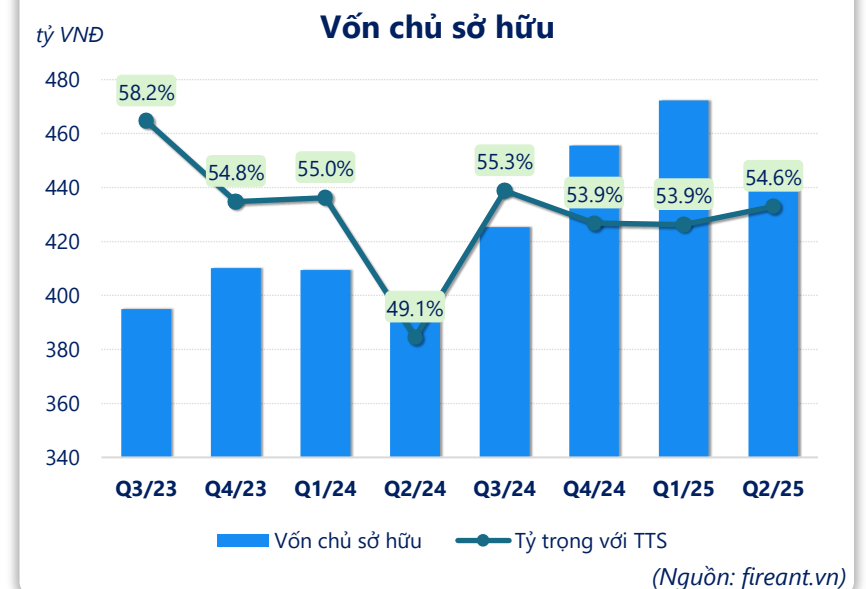
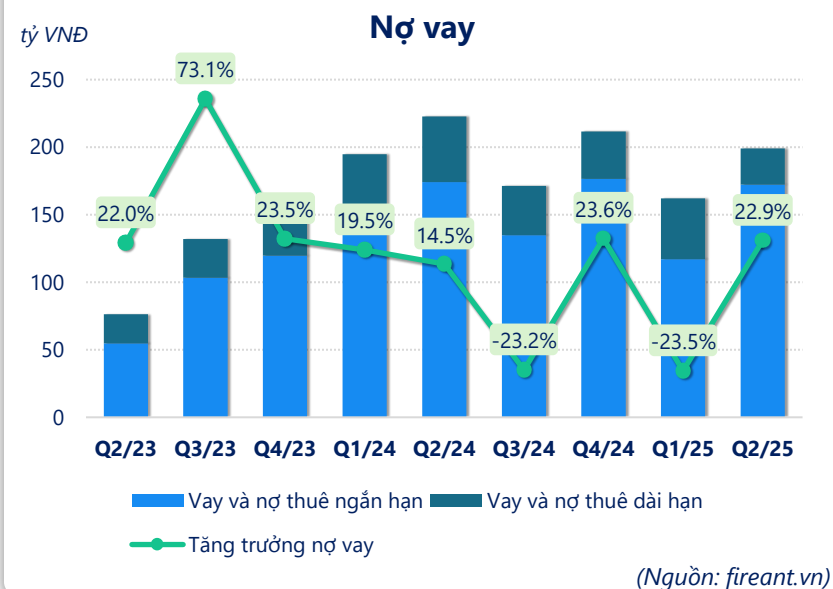
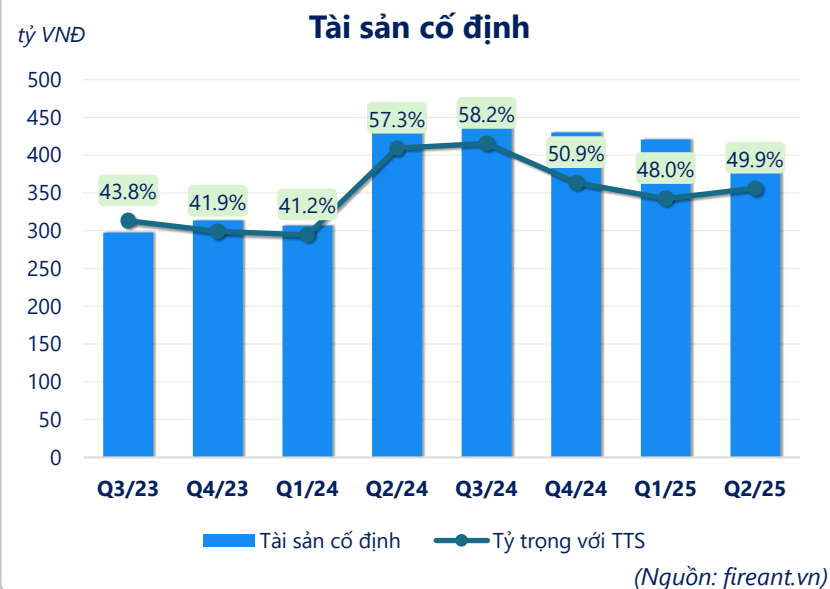
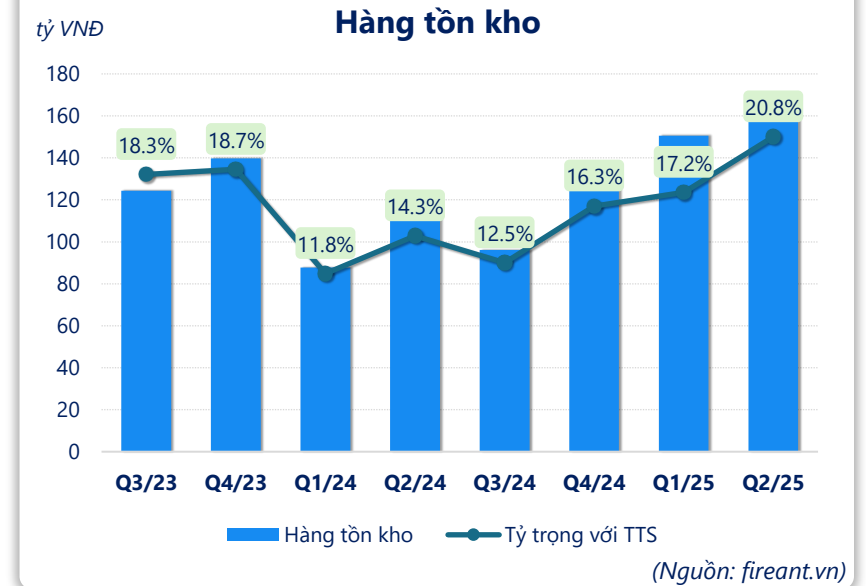
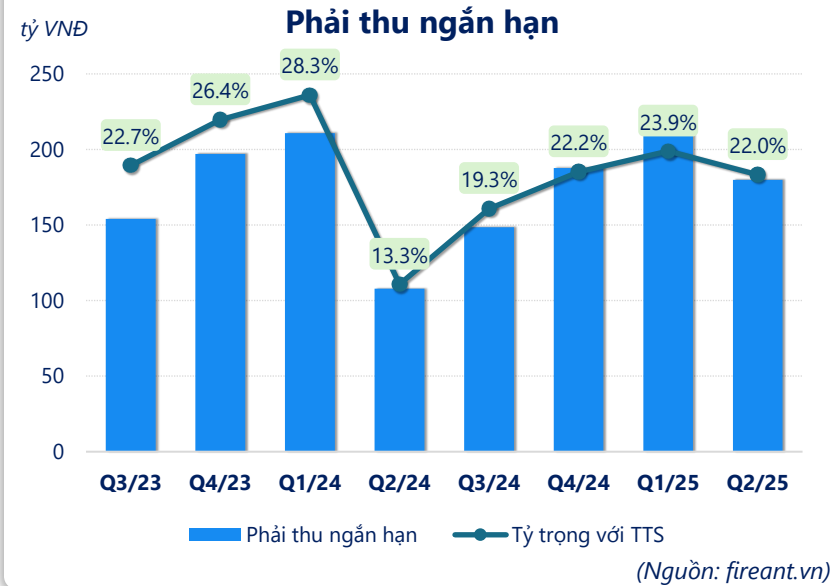
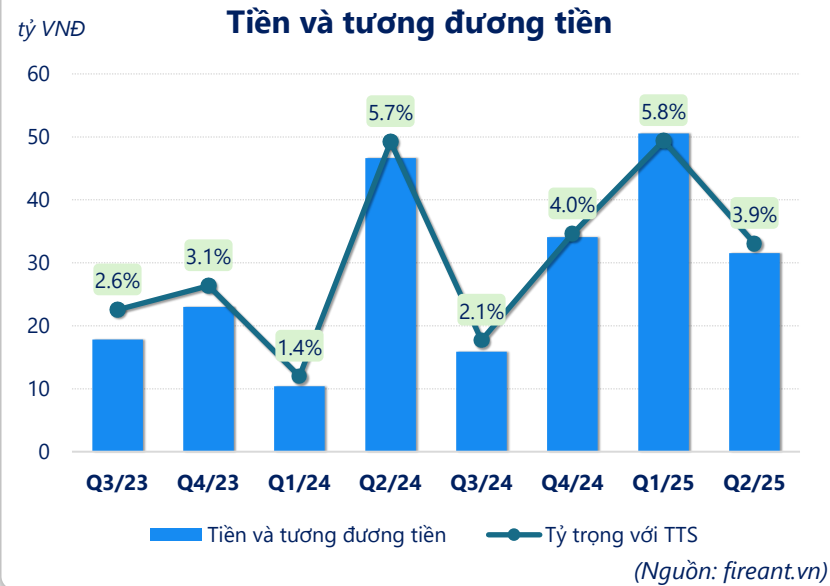
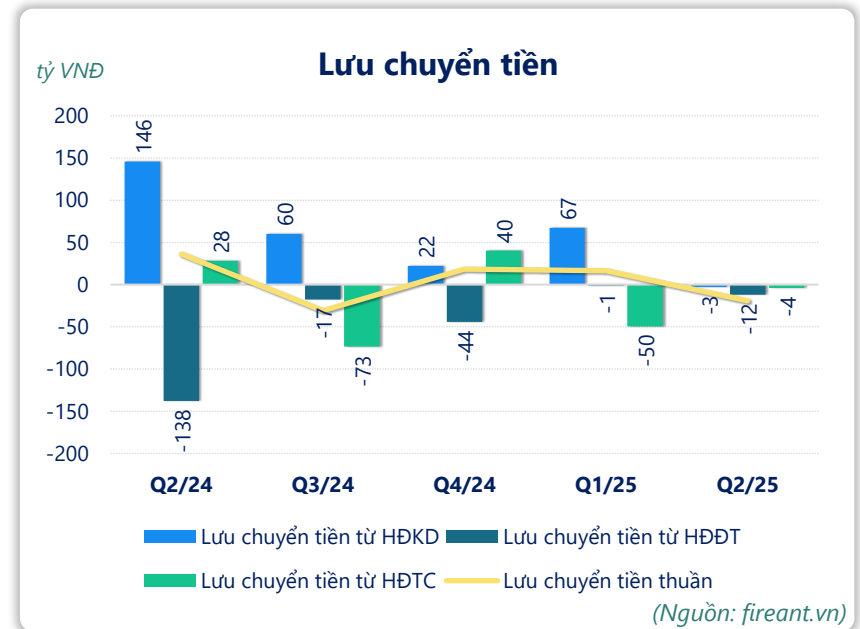
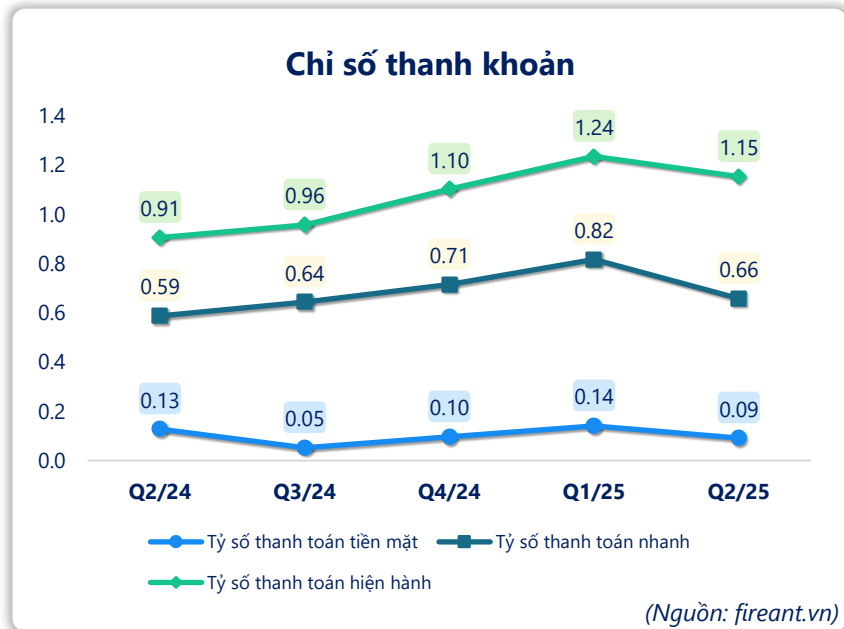
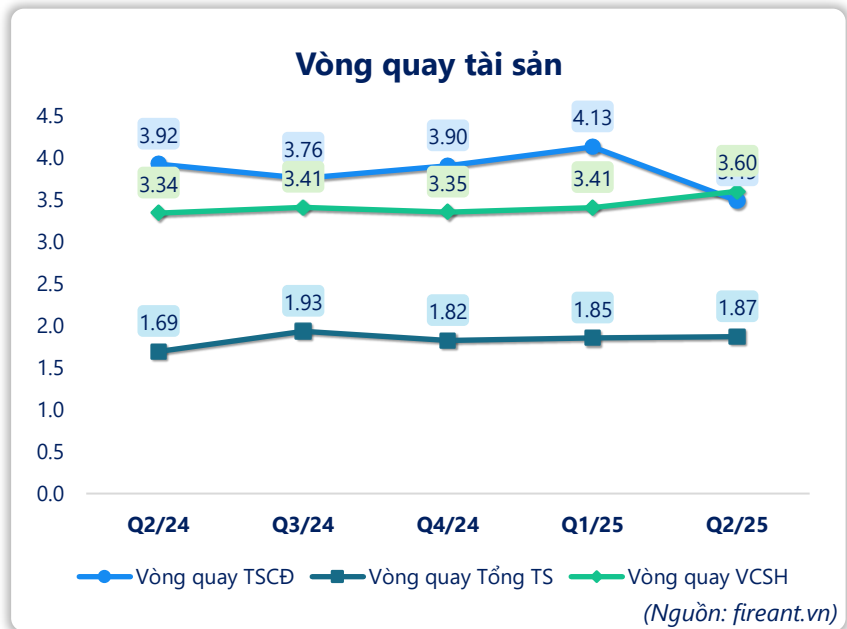
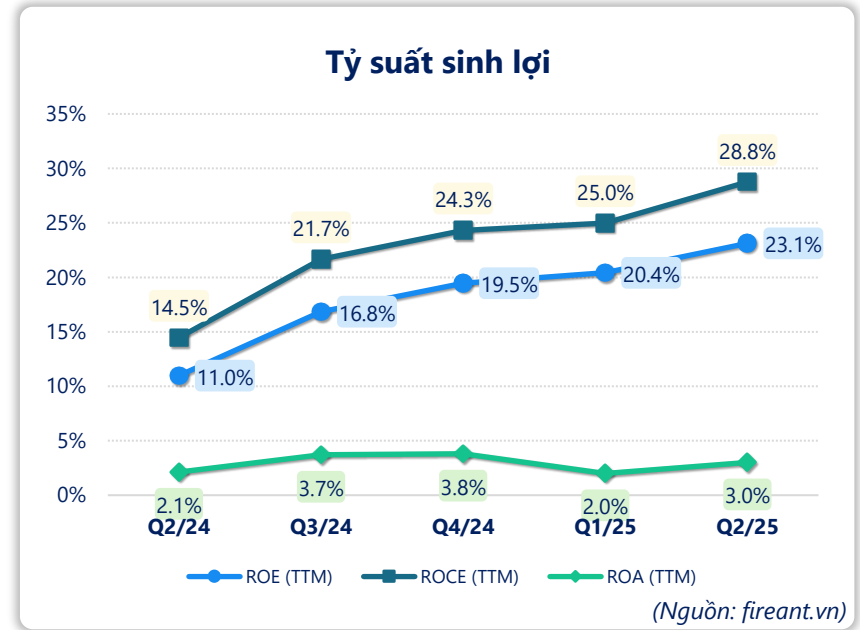
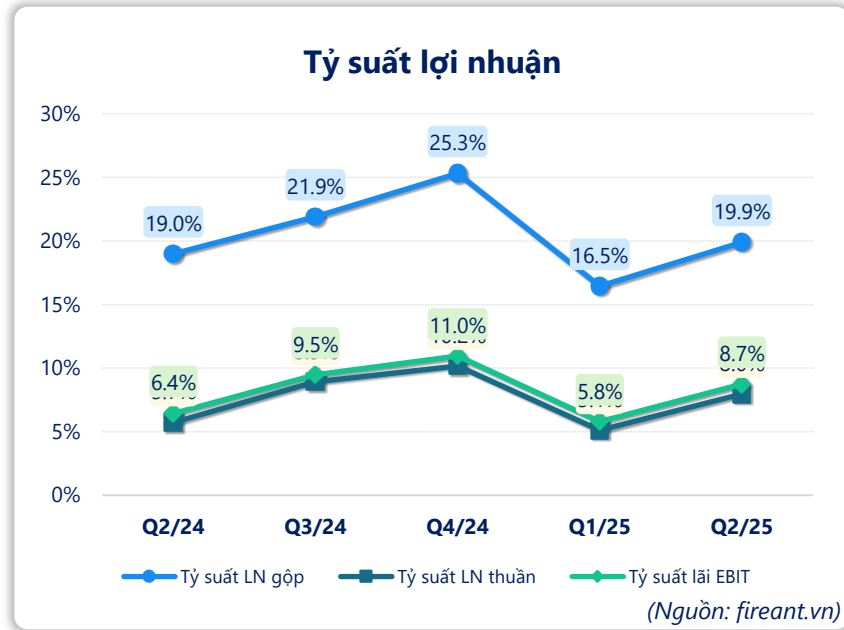
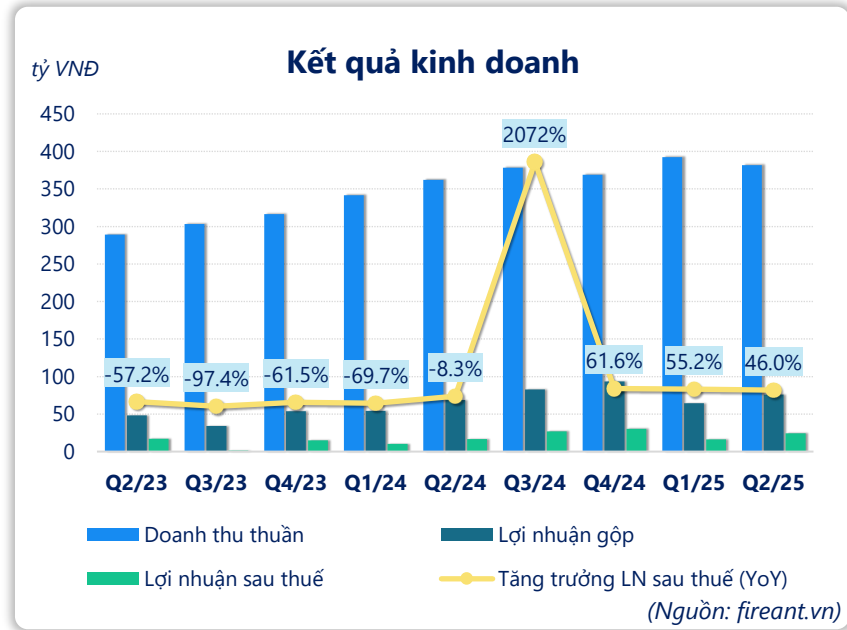


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		34,300
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		45,231
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		28,186
SL cổ phiếu LH		27,470,046
KLGD BQ 20 phiên (CP)		72,095
% sở hữu nước ngoài		1.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		942
P/E		9.6
EPS		3,556

	YTD	1T	3T	6T
HVT	-20.4%	14.7%	-13.8%	-21.6%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	818	845	-3.2%
Tài sản ngắn hạn	397	389	1.9%
Tiền và tương đương tiền	31.5	34.1	-7.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	13.1	24.5	-46.6%
Phải thu ngắn hạn	180	188	-4.2%
Hàng tồn kho	170	137	24.8%
Tài sản ngắn hạn khác	1.81	6.62	-72.7%
Tài sản dài hạn	421	455	-7.5%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	408	441	-7.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	7.62	4.57	66.6%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	5.51	9.99	-44.8%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	371	389	-4.6%
Nợ ngắn hạn	344	354	-2.7%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	172	177	-2.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	58.3	86.7	-32.8%
Nợ dài hạn	26.8	35.1	-23.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	26.8	35.1	-23.7%
Nguồn vốn chủ sở hữu	447	456	-2.1%
Vốn chủ sở hữu	447	456	-2.1%
Vốn điều lệ	275	110	150%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	362	378	369	392	382
Giá vốn hàng bán	293	295	276	328	306
Lợi nhuận gộp	68.8	82.9	93.4	64.6	76.0
Doanh thu HĐTC	1.00	0.55	0.64	0.24	0.58
Chi phí TC	6.54	5.94	3.79	2.47	2.82
Chi phí lãi vay	2.40	2.36	2.53	2.47	2.82
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	25.3	27.1	30.8	25.7	25.1
Chi phí QLDN	17.2	16.6	22.0	16.5	18.3
LN thuần từ HĐKD	20.7	33.8	37.5	20.1	30.4
Lợi nhuận khác	0.15	-0.29	0.37	0.18	0.14
LN trước thuế	20.9	33.5	37.9	20.3	30.5
Lợi nhuận sau thuế	16.7	26.8	30.3	16.2	24.4
LNST của CĐ cty mẹ	16.7	26.8	30.3	16.2	24.4

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	146	60.2	22.2	67.3	-2.83
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-138	-17.5	-44.2	-1.19	-12.0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	28.1	-73.5	40.2	-49.6	-4.12
Tiền đầu kỳ	10.4	46.6	15.9	34.1	50.5
Lưu chuyển tiền thuần	36.2	-30.7	18.2	16.4	-19.0
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	46.6	15.9	34.1	50.5	31.5

(Nguồn: fireant.vn)